|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 1888/QĐ-ĐHKTQD ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng)*

|  |  |
| --- | --- |
| CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME):  | CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN QUỐC TẾ BẰNG TIẾNG ANH(BACHELOR OF INTERNATIONAL HOSPITALITY MANAGEMENT) |
| TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION): | ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE) |
| NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR): | **QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**HOSPITALITY MANAGEMENT |
| MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE): | 7810201 |
| LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION): | CHÍNH QUY (FULL - TIME) |

**1. MỤC TIÊU**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị khách sạn Quốc tế có phẩm chất đạo đức, chính trị, sức khỏe tốt; Có kiến thức và năng lực chuyên môn ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, quản trị khách sạn, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành nghề, của xã hội và hội nhập quốc tế; Có khả năng tư duy độc lập, làm việc trong môi trường đa văn hóa quốc tế, thích nghi với yêu cầu phát triển cá nhân trong tương lai.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

***- Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:*** đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

***- Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:*** Cử nhân ngành Quản trị khách sạn Quốc tế có thể làm việc trong các khách sạn và các cơ sở kinh doanh lưu trú có tính quốc tế cao, phát triển sang các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác có liên quan, như:

* Khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí, các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ ăn uống, sự kiện, các dịch vụ du lịch khác.
* Cơ quan quản lý Nhà nước; Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về du lịch, Các tổ chức chính phủ, phi chính phủ có hoạt động về ngành khách sạn, du lịch.
* Các tổ chức, doanh nghiệp khác trong các lĩnh vực có liên quan tới khách sạn và du lịch.

***- Trình độ ngoại ngữ và tin học:*** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (IELTS 6.5 hoặc chứng chỉ tiếng Anh tương đương) và ngoại ngữ khác (nếu có) theo chuẩn đầu ra của Chương trình; chuẩn đầu ra về tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

**2. CHUẨN ĐẦU RA** (theo Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**2.1. Kiến thức:**

Cử nhân ngành Quản trị khách sạn Quốc tế được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu như sau:

***Kiến thức căn bản***

- Kiến thức nâng cao năng lực tư duy, lô-gic và lý luận;

- Kiến thức về kinh tế học, quản trị kinh doanh, công nghệ, pháp luật ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh;

- Kiến thức nền tảng về hệ thống kinh tế, ngành du lịch, kinh doanh du lịch, lưu trú và khách sạn, một số nguyên lý căn bản về khoa học xã hội và nhân văn, phát triển bền vững áp dụng trong lĩnh vực khách sạn.

***Kiến thức chuyên sâu***

- Kiến thức về các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú quốc tế.

- Kiến thức về quản trị khách sạn, vận dụng các chức năng tổ chức hoạt động quản trị trong các khách sạn và doanh nghiệp kinh doanh lưu trú quốc tế.

- Kiến thức chuyên sâu có lựa chọn về quản trị một số loại hình lưu trú và dịch vụ gắn liền với kinh doanh khách sạn, quản trị một số chức năng đặc trưng của khách sạn.

- Kiến thức chuyên sâu về tự nhiên, văn hóa, lịch sử, xã hội học... ứng dụng trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn.

**2.2. Kỹ năng:**

Cử nhân ngành Quản trị khách sạn được trang bị các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm sau:

***Kỹ năng chuyên môn (kỹ năng cứng)***

Thực hiện được những công việc sau đây:

- Phân tích và đánh giá môi trường kinh doanh, thị trường, xác định những cơ hội và thách thức trong kinh doanh khách sạn, nhu cầu của thị trường.

- Phân tích môi trường kinh doanh, phát triển, quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động kinh doanh của một khách sạn, một cơ sở lưu trú, mở rộng ra các dịch vụ có liên quan.

- Phân tích các chỉ tiêu kinh tế, tài chính, hiệu quả kinh doanh của một khách sạn.

- Phát triển các ý tưởng kinh doanh và lập nghiệp trong ngành khách sạn;

- Thực hiện được các nghiệp vụ tác nghiệp của nhân viên lễ tân, buồng phòng, ăn uống...

- Các kỹ năng năng lãnh đạo và quản trị cơ bản của một nhà quản trị áp dụng trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn quốc tế.

***Kỹ năng mềm:***

- *Kỹ năng giao tiếp*: Có khả năng giao tiếp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh du lịch và khách sạn bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác(nếu có); Có khả năng biểu đạt, trình bày, thuyết trình..

- *Kỹ năng làm việc nhóm và lãnh đạo*: Có khả năng tập hợp, lãnh đạo, điều hành và phối hợp các cá nhân trong nhóm có tính quốc tế, đa văn hóa.

***2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:***

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị khách sạn Quốc tế trang bị nhằm giúp sinh viên hình thành những năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

*- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân*: Tuân thủ luật pháp và có phẩm chất đạo đức (Theo quy định Bộ GDĐT);

- *Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp*: Có tinh thần làm việc trách nhiệm, trung thực, nghiêm túc, tính kỷ luật cao; Có tác phong lịch sự, nhã nhặn, đúng mực; Say mê, yêu nghề và có tinh thần phục vụ

- *Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc*: Có tinh thần tự học, tự tích lũy và cập nhật kiến thức kỹ năng; Có tinh thần làm việc độc lập, sáng tạo.

- *Trách nhiệm với môi trường và xã hội:* bảo vệ môi trường, bảo vệ giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc.

**2.4. Về ngoại ngữ và tin học**

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 (được ban hành và công bố theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

- Chuẩn đầu ra tin học tương đương IC3 (Máy tính căn bản 650 điểm; Phần mềm máy tính 720 điểm; Kết nối trực tuyến 620 điểm) hoặc ICDL (phần cơ bản) (được ban hành và công bố theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/6/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

|  |  |
| --- | --- |
| **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** | **129 tín chỉ** |
| **4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** | Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.  |
| **5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO,** **ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** | Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; và quy định của cơ sở, đối tác đào tạo của Chương trình. |
| **6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** | Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ |
| **7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY** |
| **7.1. Cấu trúc kiến thức** |  |
| **Kiến thức** | **Khối lượng (Tín chỉ)** | **Ghi chú** |
| **1. Kiến thức giáo dục đại cương** | **42** |  |
| * 1. Các học phần chung
 | 18 |  |
| * 1. Các học phần của Trường
 | 12 |  |
| * 1. Các học phần của ngành
 | 12 |  |
| **2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | **87** |  |
|  **2.1. Kiến thức cơ sở ngành** | **15** |  |
| 2.1.1. Các học phần của Trường  | 6 |  |
| * + 1. Các học phần của ngành
 | 9 |  |
|  **2.2. Kiến thức ngành** | **44** |  |
|  2.2.1. Các học phần bắt buộc | 35 |  |
|  2.2.2. Các học phần tự chọn  | 9 |  |
|  **2.3. Kiến thức chuyên sâu**  | **18** |  |
| **2.4. Chuyên đề thực tập** | **10** |  |
| **TỔNG SỐ**  | **129** | Không kể GDQP-AN và GDTC  |

**7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠO TẠOQUẢN TRỊ KHÁCH SẠN QUỐC TẾ BẰNG TIẾNG ANH** | **MÃHP/BM** | **SỐTC** | **BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
|  |   | **TỔNG SỐ** |   | **129** | **19** | **18** | **18** | **18** | **16** | **15** | **15** | **10** |
|  |   | **1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** |   | **42** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |   | **1.1. Các học phần chung** |   | **18** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | 1 | Triết học Mác - Lênin*Philosophy of Marxism - Leninism* | LLNL1105 | 3 |   |   |   |   | 3 |   |   |   |
| **2** | 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin*Political economics of Maxism-Leninism* | LLNL1106 | 2 |   |   |   |   | 2 |  |   |   |
| **3** | 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học*Socialism Science* | LLNL1107 | 2 |   |   |   |   |  | 2 |   |   |
| **4** | 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh*Ho Chi Minh Ideology* | LLTT1101 | 2 |   |   |   |   |   | 2 |   |   |
| **5** | 5 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*History of the Communist Party of Vietnam* | LLDL1102 | 2 |   |   |   |   |   | 2 |   |   |
| **6** | 6 | Ngoại ngữ*Foreign Language* | NNKC | 7 | 7 |   |   |   |   |   |   |   |
|  |   | Giáo dục thể chất*Physical Education* | GDTC | 4 |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |   | Giáo dục quốc phòng và an ninh*Military Education* | GDQP | 8 |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |   | **1.2. Các học phần của Trường**  |   | **12** |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **7** | 1 | Toán cho các nhà kinh tế*Mathematics for Economics* | EP11.TOCB1110 | 3 | 3 |   |   |   |   |   |   |   |
| **8** | 2 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán*Probability Theory* | EP11.TOKT1145 | 3 |   |   | 3 |   |   |   |   |   |
| **9** | 3 | Kinh tế vi mô 1*Microeconomics 1* | EP11.KHMI1101 | 3 | 3 |  |   |   |   |   |   |   |
| **10** | 4 | Kinh tế vĩ mô 1*Macroeconomics 1* | EP11.KHMA1101 | 3 |   | 3 |  |   |   |   |   |   |
|  |   | **1.3. Các học phần của ngành** |   | **12** |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **11** | 1 | Pháp luật đại cương*Fundamentals of Laws* | EP11.LUCS1129 | 3 | 3 |   |   |   |   |   |   |   |
| **12** | 2 | Pháp luật kinh doanh*Business Law* | EP11.LUKD1118 | 3 |   | 3 |   |   |   |   |   |   |
| **13** | 3 | Quản trị kinh doanh 1*Business Management 1* | EP11.QTTH1102 | 3 |   |   | 3 |   |   |   |   |   |
| **14** | 4 | Nguyên lý kế toán*Accounting Principles* | EP11.KTKE1101 | 3 |   |   | 3 |   |   |   |   |   |
|  |   | **2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** |   | **87** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | ***2.1. Kiến thức cơ sở ngành*** |  | ***15*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **17** | 1 | Xã hội học*Sociology / Psycolgy* | EP11.NLXH1106 | 3 |   |   |   | 3 |   |   |   |   |
| **18** | 2 | Giao dịch và đàm phán kinh doanh*Communication and Negotiation in Business* | EP11.TMKT1116 | 3 |   |   | 3 |   |   |   |   |   |
| **19** | 3 | Phát triển nghề nghiệp ngành quản trị khách sạn*Career* *development in Hospitality Industry*  | EP11.DLKS1139 | 3 | 3 |   |   |   |   |   |   |   |
| **20** | 4 | Đạo đức kinh doanh trong môi trường toàn cầu*Business Ethics in Global Environment* | EP11.DLKS1146 | 3 |   |   |   |   |   | 3 |   |   |
| **21** | 5 | Kinh tế du lịch*Tourism Eonomics* | EP11.DLKS1108 | 3 |   | 3 |   |   |   |   |   |   |
|  |  | ***2.2. Kiến thức ngành*** |  | ***44*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **2.2.1. Các học phần bắt buộc** |  | ***35*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **22** | 1 | Tác nghiệp dịch vụ khách sạn*Internship for operating of Hotel services* (Tác nghiệp với 400h thực hành tác nghiệp tại khách sạn quốc tế; được giảng dạy bởi Đại diện tại Việt nam của Viện đào tạo Khách sạn và lưu trú Hoa Kỳ - AHLEI theo Đề cương bản quyển- Practicum with international hotel services, develop course with 400 working hours with academic credit; this course will be lectured and trained by Representative in Vietnam of American Hotel & Lodgings Educational Institute) | EP11.DLKS1150 | 6 |   | 6 |   |   |   |   |   |   |
| **23** | 2 | Nhập môn Quản trị khách sạn*Hospitality today: An Introduction\**(Được giảng dạy bởi Đại diện tại Việt nam của Viện đào tạo Khách sạn và lưu trú Hoa Kỳ - AHLEI theo Đề cương bản quyền - this course will be lectured and trained by Representative in Vietnam of American Hotel & Lodgings Educational Institute) | EP11.DLKS1148 | 3 |   | 3 |   |   |   |   |   |   |
| **24** | 3 | Quản trị kinh doanh khách sạn*Hospitality Business Management*  | EP11.DLKS1143 | 3 |   |   |   |   | 3 |   |   |   |
| **25** | 4 | Quản trị kinh doanh nhà hàng*Restaurant Business Management*  | EP11.DLKS1113 | 3 |   |   |   |   |   | 3 |   |   |
| **26** | 5 | Quản trị chiến lược trong du lịch và khách sạn *Strategic Management in Hospitality and Tourism* | EP11.DLLH1146 | 3 |   |   |   |   |   | 3 |  |   |
| **27** | 6 | Marketing du lịch và khách sạn *Marketing in Hospitality and Tourism* | EP11.MKMA1121 | 3 |   |   | 3 |   |   |   |   |   |
| **28** | 7 | Lịch sử văn minh thế giới*History of World Civilization* | EP11.DLLH1131 | 3 |   |   | 3 |   |   |   |   |   |
| **29** | 8 | Kế toán và tài chính trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn*Accounting and Finance in Hospitality and Tourism Business* | EP11.DLLH1144 | 3 |   |   |   |   |   |   | 3 |   |
| **30** | 9 | Tâm lý và giao tiếp trong du lịch*Psychology and Communication in Tourism* | EP11.DLKS1118 | 3 |   |   |   |   | 3 |   |   |   |
| **31** | 10 | Đề án Quản trị khách sạn quốc tếStudent project on international hotel (Được thực hiện trong môi trường khách sạn quốc tế trong và ngoài nước theo Đề cương, kế hoạch phê duyệt ) | EP11.DLKS1147 | 5 |   |   |   |   | 5 |   |   |   |
|  |  | **2.2.2. Các học phần tự chọn***(Sinh viên tự chọn 3 học phần)* |  | ***9*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **32** | 1 | Văn hóa ẩm thực và tôn giáo*Culinary Culture and Religion* | EP11.DLKS1119 | 9 |   |   |   |   |   |   | 3 |   |
| **33** | 2 | Quản lý điểm đến*Destination Management* | EP11.DLLH1145 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **34** | 3 | Quản trị khu nghỉ dưỡng*Resort Management* | EP11.DLKS1141 |   |   |   |   |   |   | 3 |   |
| **35** | 4 | Khởi nghiệp trong du lịch và khách sạn*Entrepreneurship in Hospitality* | EP11.DLKS1138 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **36** | 5 | Quản trị an ninh an toàn trong khách sạn*Security and Safety Management in Hospitality* | EP11.DLKS1124 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **37** | 6 | Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn*Recreation services Management in Hospitality* | EP11.DLKS1142 |   |   |   |   |   |   | 3 |   |
| **38** | 7 | Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh khách sạn*Supply chain Management in Hospitality* | EP11.DLKS1140 |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  | ***2.3. Kiến thức chuyên sâu*** |  | ***18*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **39** | 1 | Quản trị MICE*MICE Management* | EP11.DLKS1110 | ***3*** |  |  |  |  |  |  | ***3*** |  |
| **40** | 2 | Quản trị nghiệp vụ lễ tân khách sạn*Front Office Operation Management* | EP11.DLKS1116 | ***3*** |  |  |  | ***3*** |  |  |  |  |
| **41** | 3 | Quản trị nghiệp vụ buồng khách sạn*Housekeeping Operation Management* | EP11.DLKS1115 | ***3*** |  |  |  | ***3*** |  |  |  |  |
| **42** | 4 | Quản trị nghiệp vụ ăn uống*Food and Beverage Operation Management* | EP11.DLKS1114 | ***3*** |  |  |  | ***3*** |  |  |  |  |
| **43** | 5 | Quản lý thông tin trong du lịch và khách sạn*Managing technology in Tourism and Hospitality* | EP11.DLKS1149 | ***3*** |  |  |  | ***3*** |  |  |  |  |
| **44** | 6 | Giám sát khách sạn*Superivision in the Hospitality Industry* | EP11.DLKS1132 | ***3*** |  |  |  | ***3*** |  |  |  |  |
|  |   | **2.4. Chuyên đề thực tập (*Intenrship Programme)*** | EP11.DLKS1151 | ***10*** |   |   |   |   |   |   |   | ***10*** |
|  |   | **Tổng số TC mỗi học kỳ** |   |  | **19** | **18** | **18** | **18** | **16** | **15** | **15** | **10** |
|  |  | ***Kiểm tra trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra*** | *Không tính điểm. Sinh viên đạt chuẩn mới đủ điều kiện tốt nghiệp. Sinh viên được miễn kiểm tra nếu có chứng chỉ ngoại ngữ và tin học theo quy định.* |

**8. Hướng dẫn thực hiện**

- CTĐT được thực hiện trong 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ. Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký. Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

- Sinh viên Chương trình nếu có nhu cầu sẽ được chuyển tiếp sang học tập tại các Trường quốc tế liên kết, đối tác của Chương trình.

- Học phần trong CTĐT có nội dung thực tập, thực tế, thực hành và hoạt động ngoại khóa(nếu có), kinh phí cho các hoạt động này được chi trả một phần bởi Nhà trường và một phần bởi sinh viên theo Kế hoạch đề xuất của Khoa Du lịch và Khách sạn phê duyệt của lãnh đạo, phòng ban chức năng của Nhà trường.

- Học phí cho mỗi sinh viên của Chương trình được thu/nộp theo thông báo, Kế hoạch của Nhà trường vào đợt nhập học.

- Khoa Du lịch và Khách sạn đại diện bởi Trưởng Khoa là đơn vị, cá nhân thường trực Chủ nhiệm, điều hành Chương trình.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA****(ĐÃ KÝ)****PGS.TS PHẠM TRƯƠNG HOÀNG** | **HIỆU TRƯỞNG****(ĐÃ KÝ)****PGS.TS PHẠM HỒNG CƯƠNG** |